

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 108/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19-7-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chương

Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 276/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số H đường H, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số D đường H, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà và ông Trần Văn M có thời gian tìm hiểu khoảng 05 năm sau đó chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới. Sau khi sống chung thời gian đầu sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống nên dẫn đến giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ. Ngoài ra, vợ chồng còn mâu thuẫn về vấn đề kinh tế do ông M không phụ giúp bà chi phí sinh hoạt gia đình, chi phí học hành của các con. Đến giữa năm 2023 mặc dù sống chung một nhà nhưng hai vợ chồng đã sống ly thân. Cuối năm 2023 bà

dọn ra ngoài ở còn ông M và các con sống tại địa chỉ D đường H, Phường D, thành phố V. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Khoảng tháng 2/2024, bà và ông M có làm đơn thuận tình ly hôn nhưng thời điểm đó ông M muốn đoàn tụ nên ông bà rút đơn về. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn M.

- Về con chung: Bà và ông M có 02 (hai) con chung tên Trần Văn Đăng K, sinh ngày 21-02-2008 và Trần Lê Hương G, sinh ngày 18-4-2012. Bà nhường quyền nuôi hai con chung cho ông M. Về cấp dưỡng nuôi con ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà T thay đổi ý kiến về việc nuôi con chung, cụ thể: bà yêu cầu nuôi cháu G và nhường quyền nuôi cháu K cho ông M. Bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông ông Trần Văn M trình bày:

Ông M xác định về điều kiện kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng đúng như bà T trình bày. Sau khi sống chung thời gian đầu sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2023 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, công việc làm ăn của ông không thuận lợi nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ với nhau. Cuối năm 2023, bà T dọn đồ ra khỏi nhà và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng có gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng cũng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Ông xác định vẫn còn tình cảm với bà T nên ông đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng gia đình và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Ông và bà T có 02 (hai) con chung tên Trần Văn Đăng K, sinh ngày 21-02-2008 và Trần Lê Hương G, sinh ngày 18-4-2012. Ông có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Ông M thay đổi ý kiến về việc nuôi con chung, cụ thể: ông M có nguyện vọng nuôi cháu K và nhường quyền nuôi cháu G cho bà T. Ông M không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Lê Thị T yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn M có địa chỉ cư trú tại thành phố V. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Lê Thị T và ông Trần Văn M tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông M thì thấy: Theo bà T nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống nên dẫn đến giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ. Ngoài ra, vợ chồng còn mâu thuẫn về vấn đề kinh tế do ông M không phụ giúp bà chi phí sinh hoạt gia đình, chi phí học hành của các con. Đến giữa năm 2023 mặc dù sống chung một nhà nhưng hai vợ chồng đã sống ly thân. Cuối năm 2023 bà dọn ra ngoài ở còn ông M và các con sống tại địa chỉ D đường H, Phường D, thành phố V. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Khoảng tháng 2/2024, bà và ông M có làm đơn thuận tình ly hôn nhưng thời điểm đó ông M muốn đoàn tụ nên ông bà rút đơn về.

Theo ông M trình bày: Cuối năm 2023, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, công việc làm ăn của ông không thuận lợi nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ với nhau. Cuối năm 2023, bà T dọn đồ ra khỏi nhà và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, vợ chồng cũng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

[2.3]. Theo xác minh tại địa phương, bà Lê Thị T và ông Trần Văn M có cư trú tại địa chỉ D đường H, Phường D, thành phố V. Trong quá trình sinh sống tại địa chỉ trên, bà T và ông M xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể về vấn đề gì thì đại diện tổ dân phố không nắm rõ. Hai con chung của bà T và ông M hiện đang sống cùng với ông M.

[2.4]. Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông M là có thật, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp.

[2.5]. Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Trần Văn M có 02 (hai) con chung tên Trần Văn Đăng K, sinh ngày 21-02-2008 và Trần Lê Hương G, sinh ngày 18-4-2012. Bà T có nguyện vọng nuôi cháu G và cháu G cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên xem xét giao cháu G cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông M có nguyện vọng nuôi cháu K và cháu K có nguyện vọng ở với bố nên xem xét giao cháu K cho ông M chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông M không yêu cầu nên không xem xét.

[2.6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng

dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông Trần Văn M.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị T ly hôn với ông Trần Văn M.

2. Về con chung: Bà T và ông M có 02 con chung tên Trần Văn Đăng K, sinh ngày 21-02-2008 và Trần Lê Hương G, sinh ngày 18-4-2012. Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Lê Hương G, ông M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Văn Đăng K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông M không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Bà Lê Thị T, ông Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000004 ngày 20-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- UBND Phường 4, Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hương